

công tác phát triển đảng. Trong phong trào cách mạng của quần chúng xuất hiện nhiều người ưu tú, giác ngộ nhất giới thiệu với Đảng. Qua 3 đợt 19/5, 2/9 và 3/2 năm 1970 và 1971, toàn huyện đã kết nạp được 31 đảng viên lớp Hồ Chí Minh, trong đó có 88% là lao động tiên tiến, 12% là chiến sĩ thi đua.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng tuy đã đạt được nhiều kết quả nhưng cũng còn một số tồn tại cơ bản như: nhận thức về 3 cuộc vận động, nhất là cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên trong Đảng bộ còn có những lệch lạc, chưa thấy hết yêu cầu của việc nâng cao chất lượng đảng viên là để thực hiện nhiệm vụ chính trị có hiệu quả, chưa đi vào quản lý, rèn luyện đảng viên một cách nghiêm túc, chưa xác định cho mỗi đảng viên thấy hết danh dự của mình để lấy uy tín với nhân dân, một bộ phận còn mắc tệ ăn uống không chính đáng, nợ nần dây dưa, hống hách, trù úm nhân dân. Tư tưởng ngại khó, hữu khuynh, tiêu cực, tùy tiện còn tồn tại trong một số cán bộ, đảng viên ở các chi, đảng bộ.

Thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương đã tạo không khí phấn khởi trong Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ X khai mạc ngày 27/12, bế mạc ngày 31/12/1971. Đại hội đã đánh giá tổng quát tình hình năm 1971, nêu rõ những kết quả đạt được, những khuyết điểm, tồn tại và những bài học thiết thực, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu phấn đấu năm 1972:

“Xây dựng Đảng bộ vững mạnh, liên tục phát động được cao trào cách mạng trong quần chúng tất cả sẵn sàng hướng ra tiền tuyến. Đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng ở nông thôn, năm

vững cách mạng kỹ thuật là then chốt để thực hiện nhiệm vụ cấp bách giải quyết vấn đề lương thực thực phẩm, lấy cây lúa, con lợn là 2 khâu cơ bản, trước mắt là giành thắng lợi kế hoạch năm 1972”. Mục tiêu phấn đấu 5 tấn thóc, 2,5 con lợn, 1,4 lao động trên 1ha gieo trồng.

Đại hội đã tiến hành bầu Ban Chấp hành khoá mới gồm 21 đồng chí, đồng chí Nguyễn Chính Thiện được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

Kết thúc thời kỳ 1965-1971, thời kỳ máu lửa vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, vừa sản xuất với tinh thần “mỗi người làm việc bằng hai”, “làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm”, Đảng bộ đã lập được nhiều thành tích vẻ vang, kiên cường chống thiên tai, địch hoạ sản xuất ra nhiều lương thực, thực phẩm, xây dựng hậu phương xã hội chủ nghĩa vững mạnh, giữ vững và ổn định đời sống của nhân dân, tích cực chi viện sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Đảng bộ đã có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo nhân dân vững vàng bước vào thực hiện nhiệm vụ chính trị trong những năm sau.

### **III-Tập trung sức, tiếp tục chiến đấu, xây dựng kinh tế, chi viện đắc lực cho sự nghiệp giải phóng miền Nam (1972-1975)**

Năm 1972 có nhiều sự kiện lịch sử lớn. Ngày 3-2 khai mạc Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ II. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ và những mục tiêu cần tập trung phấn đấu trong 2 năm 1972-1973 là: tăng nhanh thu nhập quốc dân, nông sản hàng hoá và xuất khẩu; đảm bảo tích lũy và gia tăng đóng góp cho Nhà nước; phấn đấu đạt 3 mục tiêu: 1,3-1,5 lao động; 5,4

tấn thóc và 2,5 con lợn trên một ha gieo trồng; phục vụ đầy đủ và kịp thời nhu cầu của tiền tuyến, xây dựng kinh tế địa phương gắn với củng cố quốc phòng; tích cực xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, đánh thắng địch trong mọi tình huống, bảo đảm an ninh xã hội, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Chú trọng tăng năng suất lao động và hiệu suất công tác. Phấn đấu đảm bảo nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân như ăn, mặc, học tập và sức khoẻ. Nuôi dưỡng phong trào cách mạng của quần chúng. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng .

Năm 1972, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Trung ương khoá III với tinh thần: phát triển nông nghiệp toàn diện đi đôi với thâm canh và chuyên canh, trên cơ sở phân vùng từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Quân và dân miền Nam thắng lớn trong cuộc tổng tấn công đầu xuân năm 1972. Để cứu nguy cho chiến trường, tổng thống Mỹ Ních-xon liều lĩnh gây lại chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm cắt đứt sự chi viện của hậu phương xã hội chủ nghĩa cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Thực hiện lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Duy Tiên đã triển khai đợt sinh hoạt chính trị, động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong huyện chuẩn bị mọi mặt chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai. Các tổ chức Đảng nhất là tổ chức cơ sở đã xác định rõ phương hướng, mục tiêu cụ thể trên các mặt công tác, xây dựng, bổ sung các phương án cụ thể về sản xuất nông nghiệp, chiến đấu, phòng tránh và

giải quyết hậu quả do địch gây ra; chống thiên tai bão, lũ, lụt; đảm bảo giao thông thủy bộ, thông nhanh đường vận chuyển ra tiền tuyến.

Năm 1972, thủy lợi là mũi nhọn của cách mạng kỹ thuật trong nông nghiệp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X đã chỉ rõ: “Công tác thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp phải đạt yêu cầu thâm canh cây trồng có năng suất cao, đồng thời chống được thiên tai, địch họa trong hoàn cảnh xấu nhất, đảm bảo thắng lợi.

Duy Tiên là huyện đồng trũng nằm cuối hệ thống liên mạch, phía đông có 132Km sông Hồng, về mùa lũ nước chênh vào đồng từ 5-7m, bên trong huyện có 58 Km sông Nhuệ, sông Châu từ Hà Tây đổ về bao quanh huyện chảy ra sông Đáy. Về vụ phân lũ sông Đáy, nước sông chênh vào đồng từ 3-4 m nên thường xuyên gây úng vụ mùa, năng suất bắp bênh, diện tích cây không đảm bảo. Huyện phải chống lũ cả 4 mặt nhưng các tuyến đê chưa đảm bảo cao trình và chưa khép kín như đê Hoàn Uyển, các chỗ xung yếu trên đê sông Hồng như đoạn Yên Mỹ, Tắc Giang (Chuyên Ngoại), Dỹ Phố (Mộc Bắc) chưa được tu bổ vững chắc. Năm 1972 địch đánh phá ác liệt trên tuyến giao thông quan trọng là sông Hồng và Quốc lộ 1, phía Bắc là Cầu Giẽ, phía Nam là cầu Phủ Lý có cống chống lũ sông Đáy thường xuyên bị địch đánh phá, đe dọa nghiêm trọng mùa màng và tính mạng tài sản của nhân dân và Nhà nước.

Hệ thống công trình thủy nông tuy được xây dựng, hình thành mạng lưới tưới tiêu riêng biệt cấp 1, cấp 2 và 12 trạm bơm điện với 91 máy có công suất 1000m<sup>3</sup>/giờ, nhưng

hệ thống tưới tiêu mặt ruộng chưa hoàn chỉnh. Hệ thống tưới nước phù sa sông Hồng qua cống Mộc Nam chưa phát huy được hiệu quả. Quy hoạch kiến thiết đồng ruộng chưa có vùng dứt điểm, chưa tạo được nền ruộng cứng để đưa cơ giới vào làm đất ở vùng trọng điểm lúa. Từ những đặc điểm trên đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân trong huyện phải ra sức khắc phục khó khăn, phấn đấu gian khổ để làm thuỷ lợi.

Huyện uỷ đã xây dựng kế hoạch, hoàn chỉnh quy hoạch thuỷ lợi và các đội chuyên làm thuỷ lợi dài ngày theo tinh thần Thông tư 202 (gọi tắt là Đội 202), chủ động đối phó với thiên tai, địch hoạ trong mùa mưa bão. Rút kinh nghiệm từ vụ lũ năm 1971, năm 1972 Đảng bộ quán triệt sớm, do đó các cấp uỷ, chính quyền xã và hợp tác xã đã tập trung lực lượng, tổ chức từng tuyến chặt chẽ. Các đồng chí Thường vụ Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo, các đồng chí Thường vụ Đảng uỷ, Thường trực Uỷ ban hành chính xã, quản trị hợp tác xã đều trực tiếp lên đê, 10% đảng viên và 40 đến 50% đoàn viên thanh niên đi đắp đê. Sự quyết tâm của Đảng bộ đã động viên được phong trào quần chúng tích cực tham gia trên các công trường. Hàng ngày, có từ 6000-7000 người đắp đê, các chỗ khó khăn nhất đều được đội chuyên 202 đến làm. Riêng công trình đê Lê Mã Lương, Huyện uỷ, Uỷ ban huyện đã giao cho đoàn thanh niên trực tiếp chỉ huy, mỗi ngày có từ 1200 đến 1500 đoàn viên thanh niên hăng say lao động, thực hiện kế hoạch đào đắp 100.000 m<sup>3</sup> đất trong 2 tháng, chỉ trong 40 ngày đã hoàn thành. Đê sông Hồng hàng ngày có 3000 người làm việc trên công trường, trong đó có 600 đội viên thuỷ lợi đào đắp 170.000m<sup>3</sup> với 320.000 công, đạt 100% kế hoạch, gấp 7 lần khối lượng

năm 1971. Đê Hoàn Uyển 30.000m<sup>3</sup> với 30.000 công. Đê bắc Châu Giang 12.000m<sup>3</sup> với 20.000 công. Đê Lê Mã Lương và cống Phủ Lý đã bị máy bay giặc Mỹ trút xuống hàng chục tấn bom đạn, ban chỉ huy chiến dịch đã huy động 140.000 công lao động đào đắp 140.000m<sup>3</sup> đất lấp hố bom để giữ đê phòng lụt và thông đường vận chuyển, đây là một quyết tâm rất cao của nhân dân Duy Tiên trong mùa lũ lụt.

Ngoài đắp đê phòng lũ, toàn huyện còn đắp 5.000m<sup>3</sup> đất xuống cụm kè Chuyên Mỹ với 30.000 công, kè Dỹ Phố và đoạn đê Tắc Giang đã được khẩn cấp huy động 9.000m<sup>3</sup> đất và 200 con “rồng tre” hết 24.000 công. Ban Chỉ huy chống bão lụt huyện còn có phương án dự trữ 8.000 bao tải, 3.500 cây tre và 8.000m<sup>3</sup> đất dự phòng chuẩn bị tại các trọng điểm.

Công tác khai thác quản lý công trình thủy nông được đẩy mạnh, đây là bước ngoặt của thời kỳ phát triển sản xuất nông nghiệp đi vào khoa học kỹ thuật. Trạm quản lý được tách riêng, xây dựng được đội ngũ công nhân quản lý công trình, bước đầu tuy có lúng túng nhưng đã có tác dụng trong việc quản lý kênh mương, đóng mở cống kịp thời. Năm 1972, toàn huyện đã nạo vét 15 kênh tưới, 14 trạm bơm với khối lượng 59.574m<sup>3</sup> hết 21.370 công. Khối lượng kiến thiết đồng ruộng đạt 244.000m<sup>3</sup> với 112.000 công. Sửa chữa 4 cống lớn, 5 cống tiêu. Số máy bơm chống úng ngày cao điểm nhất chạy 55 máy.

Tham gia lao động trên các công trường Thủy lợi có 10 xã đã vượt ngày công nghĩa vụ bằng 41.348 công, 2 xã vượt nhiều nhất là Chuyên Nội trên 10.662 công, Chuyên Ngoại 10.000 công, mỗi lao động có nghĩa vụ vượt từ 38-40 công. Có 3 xã không hoàn thành nghĩa vụ là Tiên Ngoại, Tiên Phong,

Tiên Hiệp mới đạt từ 22-30% khối lượng được giao. Đặc biệt có một số xã từ trước chưa bao giờ làm đủ công nghĩa vụ như Hoàng Đông, Duy Hải, Tiên Tân, Lam Hạ. Năm 1972 đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu. Các đơn vị như xã Tiên Nội, hợp tác xã Duy Hải, Chi đoàn Chuông Trinh (Duy Minh) được Huyện uỷ trao cờ đơn vị khá nhất.

Thuỷ lợi được đẩy mạnh, hệ thống nông giang đảm bảo tưới tiêu nước tương đối ổn định, phục vụ cho nông nghiệp thâm canh tăng năng suất. Huyện uỷ đã xác định vụ Đông Xuân 1971-1972 có vị trí rất quan trọng trong kế hoạch sản xuất nông nghiệp cả năm 1972, do đó đã chỉ đạo các xã chủ động chuẩn bị giống vốn, vật tư, phân bón, tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào đồng ruộng.

Các xã, hợp tác xã đều có quyết tâm cao, cấy trồng đảm bảo thời vụ, diện tích và năng suất đạt 2.450kg/ha, đứng vào loại khá nhất khu vực miền Bắc tỉnh. Cây màu, rau, đậu đỗ, cây công nghiệp vụ đông phát triển thành một vụ chính theo hướng tăng vụ, đồng thời tích cực trồng xen, trồng gối, đảm bảo những cây trồng chính như: khoai lang, khoai tây, ngô 3 tháng, đậu đỗ các loại. Một số cây công nghiệp chủ yếu như mía, trên cơ sở quy vùng, thực hiện chuyên canh đến đâu xen canh đến đó ở 3 xã Trác Văn, Đọi Sơn và Châu Sơn với diện tích 360 mẫu; Cây đay ở ven bãi sông Hồng; Cây dâu tằm ở xã Tiên Phong, đồng thời mở rộng trồng ở bờ rào, bờ dậu trong các gia đình.

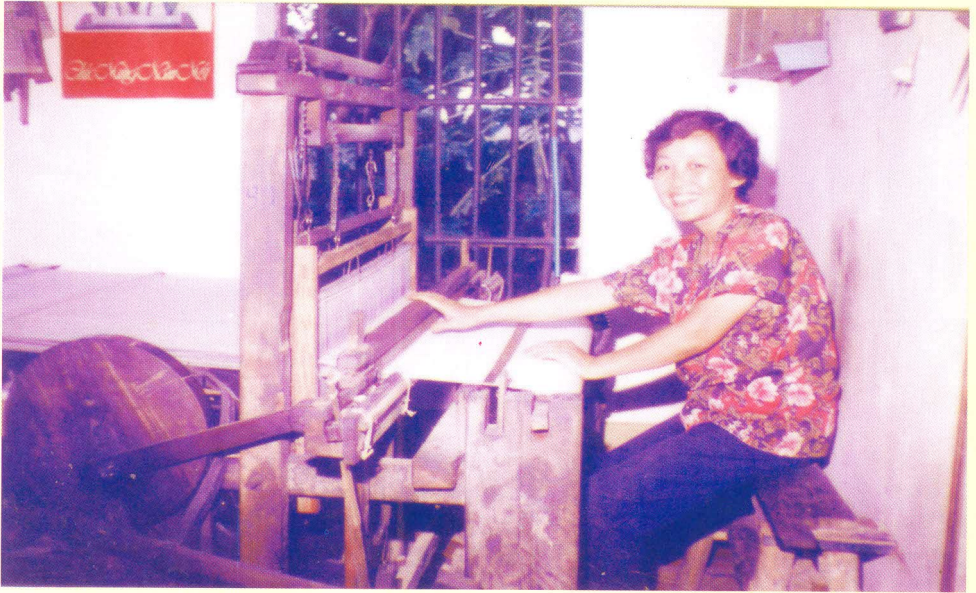
Về chăn nuôi, năm 1972, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khoá X nêu rõ: Tập trung chỉ đạo tăng nhanh đàn lợn cả 2 khu vực gia đình và tập thể, phấn đấu đạt 35.000 con lợn,

tháng mới đạt 57,2% so với kế hoạch cả năm, trong đó làm nghĩa vụ của xã viên đạt 43,3%, tập thể 95,2%, riêng bán giá cao đạt 105,1% cả năm. Nghĩa vụ Nhà nước không đảm bảo nhưng nhiều hợp tác xã chưa trả đủ thịt 50% cho xã viên, chỉ tính có 5 hợp tác xã đã nợ xã viên 30 tấn, đây cũng là một nguyên nhân làm hạn chế phát triển chăn nuôi lợn năm 1972. Chăn nuôi trâu, bò cũng có nhiều ảnh hưởng do trận lũ lụt, nguồn cung cấp của các tỉnh miền núi cho huyện bị hạn chế, sức kéo thiếu trầm trọng. Trước tình hình đó, huyện đã phát động phong trào chăm sóc trâu, bò béo, khoẻ hạn chế loại phế thải đến mức thấp nhất, tăng sức kéo đảm bảo mỗi con trâu cày mỗi ngày đạt 3,4 sào trở lên, bò 3 sào. Mặt khác, đã ưu tiên đầu tư chăn nuôi trâu bò sinh sản, đưa tỷ lệ từ 30% năm 1971 lên 40% năm 1972, nâng tỷ lệ nuôi sống từ 90-95%.

Chăn nuôi vịt phát triển rộng ở các hợp tác xã và gia đình, tập trung ở các xã vùng đồng chiêm như Tiên Nội, Tiên Ngoại, Tiên Hiệp, Tiên Hải... vừa nuôi vịt thịt, vừa nuôi vịt đẻ. Con ngỗng là loại có giá trị xuất khẩu cao. Năm 1972 có 2000 đến 2500 con ngỗng lai (ngỗng Bắc Kinh), đạt sản lượng 50-70 tấn thịt xuất khẩu. Gà được nuôi phổ biến trong các hộ gia đình, bình quân mỗi hộ gia đình nuôi khoảng 10 con. Nuôi thả cá bị thiệt hại lớn qua vụ lụt năm 1971, năm 1972 huyện đã đẩy mạnh phát triển ở cả 3 khu vực quốc doanh, tập thể và xã viên.

Chiến tranh phá hoại ngày càng mở rộng, thực hiện theo tinh thần Hội nghị ngày 7-4-1972 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Duy Tiên đã khẩn trương triển khai công tác phòng không nhân dân, chú ý ở các địa bàn ven thị xã, đường 1. Tổ chức, động viên người già, trẻ em đi sơ tán. Các cơ quan, xí nghiệp, trạm, trại triệt để thực hiện quân sự hoá; tổ chức trực





**Nghề dệt truyền thống ở làng nghề Nha Xá xã Mộc Nam**



**Mô hình nuôi lợn siêu nạc tại xã Mộc Bắc**

ban, trực chiến báo động, quản lý tốt lao động và tài sản. Mọi lực lượng lao động bắt tay vào việc kiểm tra củng cố lại hệ thống hầm, hố, hào giao thông trú ẩn, phòng tránh máy bay ở trong gia đình, trụ sở, ven đường giao thông, nơi tập trung đông người; nguy trang các công trình dân sự, quân sự, che chắn ánh sáng vào ban đêm; củng cố, kiện toàn các tổ cứu thương, cứu hoả, đội đào bới sập hầm; các đội công binh nhân dân, thanh niên xung phong đóng chốt tại các trọng điểm sẵn sàng tháo gỡ bom mìn, giải phóng phương tiện, đảm bảo giao thông.

Các cấp uỷ và chính quyền huyện, xã cùng với ngành giao thông kiểm tra xem xét, có kế hoạch phương án đảm bảo thông suốt nhanh trên quốc lộ 1A, đường 60 A (đoạn Đồng Văn – Yên Lệnh), các cầu, cống nhỏ như Cống Vũ Xá, cầu Hoà Mạc, đê quai qua cống Phủ Lý, đường vào cầu phao Hoà Lạc và cầu phao ngầm Đường ấm, ga Đồng Văn và cảng Yên Hà, quản lý nắm chắc các phương tiện, lưu lượng giao thông, bốc dỡ, khi cần thiết huy động được nhanh chóng.

Bộ đội địa phương huyện, dân quân, du kích các xã, tự vệ ở các cơ quan, xí nghiệp cũng được củng cố, kiện toàn, lựa chọn những đồng chí trẻ, khoẻ biên chế vào các đơn vị thường trực chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Phong trào thi đua “sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi” được phát động sâu rộng, mạnh mẽ, đã rèn luyện được tinh thần chiến đấu kiên cường, nâng cao kỹ thuật, chiến thuật đánh địch. Trải qua cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965-1968), dân quân du kích các xã trưởng thành nhanh chóng, từ chỗ chỉ đảm nhiệm hoả lực tầm thấp với các loại pháo 12ly7, 14ly5, 37 ly đến năm 1972 nhiều đơn vị dân quân đã sử dụng thành thạo các loại pháo tầm cao như 57ly, 87ly và pháo 100ly, thay thế các đơn vị bộ đội phòng

không chủ lực chuyển vào chiến trường miền Nam. Đế quốc Mỹ tập trung đánh phá vào địa bàn huyện Duy Tiên mức độ ác liệt hơn, quy mô rộng hơn các loại vũ khí, kỹ thuật tiên tiến hơn. Từ tháng 4 đến tháng 10-1972, đế quốc Mỹ đã dùng 1.345 lần chiếc máy bay phản lực trong đó có 554 lần chiếc đánh vào quốc lộ 1A, nhiều nhất là đoạn Đồng Văn - Phủ Lý; 50 lần chiếc đánh vào đê điều, 350 lần chiếc đánh vào khu dân cư. Do được chuẩn bị tốt cả về tinh thần và vật chất, nên bị đánh phá ác liệt nhưng thiệt hại về người và tài sản ít hơn nhiều so với chiến tranh phá hoại lần thứ nhất. Các đơn vị dân quân phối hợp với bộ đội chiến đấu chủ động hơn, tiêu biểu là dân quân xã Lam Hạ, Tiên Hải, Chuyên Ngoại. Tháng 6-1972, dân quân xã Mộc Bắc nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu bất sống được tên giặc lái Mỹ nhảy dù xuống thôn Trung Hà.

Trong lúc cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ diễn ra trên địa bàn ngày càng ác liệt, Huyện uỷ đã triển khai Nghị quyết 02 và Kế hoạch của Tỉnh uỷ về công tác cải tiến sự chỉ đạo của cấp huyện để đảm bảo đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đảm bảo huyện là cấp kế hoạch, đồng thời là cấp quản lý kinh tế có nhiệm vụ chỉ đạo xã và hợp tác xã phải làm tốt công tác đầu tư về lao động, tiền vốn chỉ đạo thực hiện các chế độ chính sách, huyện phải nắm chắc các đầu mối, kể cả các đơn vị kinh doanh sản xuất do các ngành dọc quản lý.

Việc chỉ đạo miền thực chất là tiếp tục thực hiện Nghị quyết 136 của Ban Bí thư và đưa việc chỉ đạo của cấp huyện gắn với quản lý và xây dựng kinh tế, khắc phục lối chỉ đạo

hành chính trước đây. Trong phạm vi huyện, miền không phải là một cấp quản lý hành chính, kinh tế mà chỉ là thực hiện sự chỉ đạo của Huyện uỷ và ngành cho sát cơ sở. Việc chia miền cần phải thống nhất với vùng kinh tế. Một vùng kinh tế có thể từ 2 đến 3 miền, trong một miền có từ 3 đến 5 xã, từ 10-12 hợp tác xã, không nên quá to<sup>72</sup>, có quan hệ với nhau về nhiều mặt do hình thành tự nhiên hoặc quá trình phát triển mà có.

Căn cứ vào tình hình, đặc điểm của Duy Tiên, việc phân miền có điều chỉnh phù hợp với vùng kinh tế và phân công Thường trực, Thường vụ và Huyện uỷ viên phụ trách. Toàn huyện được chia thành 2 vùng kinh tế và 5 miền như sau:

- Vùng I: (Vùng trọng điểm lúa, lợn) có bình quân ruộng đất cao từ 3 sào/ người trở lên, có nhiều nông sản hàng hoá, vùng này gồm 13 xã và 34 hợp tác xã chia làm 3 miền:

Miền Tiên Nội, Tiên Ngoại, Tiên Tân, Tiên Hiệp (Tiên Nội là trọng điểm của miền), do đồng chí Nguyễn Chính Thiện – Bí thư Huyện uỷ trực tiếp cùng đồng chí Trần Thị Uyên - Huyện uỷ viên phó ban quản lý phụ trách.

Miền Trác Bút, Chuyên Nội, Tiên Yên, Tiên Thắng, Yên Nam (Trác Bút là điểm của miền) do đồng chí Vũ Hồng Tâm – Phó Bí thư Huyện uỷ trực tiếp cùng đồng chí Đào Ngọc Diệp - Huyện uỷ viên phó ban Tuyên huấn huyện phụ trách.

Miền Bạch Thượng, Duy Minh, Duy Hải, Hoàng Đông (Duy Hải là điểm của miền) do đồng chí Ngô Văn Định - Thường

---

<sup>72</sup> Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 10/8/1972 của Huyện uỷ Duy Tiên về chỉ đạo miền của cấp huyện.

vụ Huyện uỷ, phó chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện trực tiếp cùng đồng chí Nguyễn Văn Thân, Huyện uỷ viên trưởng phòng công nghiệp phụ trách.

Vùng II: (Vùng lúa, lợn, màu, cây công nghiệp và cây đặc sản) có bình quân ruộng đất thấp dưới 3 sào/ người, nằm theo ven sông Hồng, sông Châu. Vùng này có 9 xã và 21 hợp tác xã chia làm 2 miền.

Miền Mộc Bắc, Trác Văn, Chuyên Ngoại, Mộc Nam (Trác Văn là điểm của miền) do đồng chí Trần Văn Tích - Thường vụ Huyện uỷ, Phó chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện trực tiếp cùng đồng chí Nguyễn Thị Cốm - Huyện uỷ viên phụ trách.

Miền Đọi Sơn, Châu Sơn, Tiên Phong, Tiên Hải, Lam Hạ (Đọi Sơn là điểm của miền).

Ngoài các đồng chí Huyện uỷ viên được phân công phụ trách miền, các đồng chí Huyện uỷ viên được phân công phụ trách xã, hợp tác xã thuộc miền nào thì đi theo miền ấy tham gia chỉ đạo.

Tình hình chung của các hợp tác xã có nhiều bất cập. Xác định thu chi công điểm không chính xác, thu, chi trong các đội chuyên trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề không rõ ràng. Hiện tượng dấu công điểm, sản lượng, khai tăng chi phí xảy ra ở nhiều nơi. Công tác kế toán còn nhiều thiếu sót chưa phản ánh giám đốc mọi hoạt động kinh tế, tài chính của hợp tác xã.

Vụ chiêm năm 1972, đã gây ra mất công bằng nghiêm trọng trong phân phối, giá thành sản phẩm cao không thực tế, giá trị ngày công thấp, sản xuất tăng nhanh nhưng thu nhập của hộ gia đình xã viên thấp, không đủ tiền đóng thóc của hợp tác xã phân phối lại.

Để khắc phục những yếu kém trong quản lý kinh tế hợp tác xã, làm cho xã viên phấn khởi yên tâm sản xuất, Huyện uỷ tiếp tục triển khai cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng ở nông thôn gắn với cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và cuộc vận động lao động sản xuất. Các Đảng bộ, chi bộ đã tổ chức cho đảng viên và quần chúng quán triệt mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của cuộc vận động, đã lãnh đạo hợp tác xã phát huy và tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng trên 3 mặt: làm chủ trong sản xuất, làm chủ trong phân phối, làm chủ trong bầu cử, ứng cử. Cuộc vận động bước đầu đã giành được một số kết quả.

*Làm chủ trong sản xuất:* Đa số các hợp tác xã đều có tiến bộ trong việc dân chủ hoá về phương hướng, kế hoạch sản xuất, về quản lý và sử dụng tư liệu sản xuất, riêng về ruộng đất trong 2 năm 1971-1972 đã thu hồi được 50 mẫu do xã viên lấn chiếm, 100% hợp tác xã có kế hoạch và nội quy sản xuất, số hợp tác xã bàn đến xã viên năm 1971 có 74%, năm 1972 có 85%. Công tác kế toán, tài vụ có nhiều tiến bộ, số hợp tác xã công khai thóc, công khai tài chính hàng tháng cũng tăng dần: năm 1971 có 43; năm 1972 có 47. Việc tổ chức phân công lao động, xếp bậc lao động, định mức lao động, cả chăn nuôi, trồng trọt cũng có tiến bộ: năm 1971 có 18 hợp tác xã chiếm 34%, riêng trồng trọt năm 1972 đã có 84%. Do làm tốt dân chủ với quần chúng nên tài sản của tập thể đỡ hư hao, tổn thất, sử dụng tài sản chất lượng tốt hơn.

*Làm chủ trong phân phối:* có tiến bộ rõ, xã viên được bàn, thảo luận kỹ phương án ăn chia thóc, công điểm hàng vụ,

năm 1970 có 80% số lượng ban quản trị hợp tác xã bàn bạc với xã viên, vụ chiêm xuân 1972 tăng lên 87,5%. Do thực hiện tốt xã viên làm chủ trong phân phối nên đã đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Nhà nước, tập thể và xã viên. Làm nghĩa vụ của tập thể đối với Nhà nước năm 1972 so với năm 1970 tăng 5%, tích lũy của tập thể năm 1972 so với năm 1971 tăng 20%.

Vụ chiêm xuân năm 1972 nhiều hợp tác xã đã bán lương thực cho Nhà nước vượt kế hoạch như: Trác Bút, Lão Trúc (Tiên Tân) vượt 20%; Quan Xuyên (Tiên Thắng) vượt 33%...

*Làm chủ trong bầu cử, ứng cử:* Trong bầu cử, ứng cử ban quản trị hợp tác xã đã đảm bảo được quyền dân chủ của quần chúng, xã viên được bàn, thảo luận kỹ tiêu chuẩn, yêu cầu của từng loại cán bộ, được tự do lựa chọn, bầu những người có tài, đức nhiệt tình với công việc của tập thể, chăm lo lợi ích của xã viên, nên đội ngũ cán bộ chủ chốt hợp tác xã tương đối ổn định ít thay đổi. Năm 1971, có 92,4% số hợp tác tổ chức Đại hội bầu Ban Quản trị, chỉ thay 10 chủ nhiệm (năm 1970 thay 19), kế toán trưởng thay 6 đồng chí (năm 1970 thay 18)...

Cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng ở nông thôn, năm 1972 tuy đạt được nhiều kết quả quan trọng, bước đầu đã đảm bảo được quyền làm chủ của quần chúng về chính trị, kinh tế, xã hội; tăng cường được sự đoàn kết trong nông thôn, phát huy được khí thế cách mạng của quần chúng xã viên trong việc quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật, không ngừng nâng cao năng suất lao động; đảm bảo, giữ vững được tính chất của hợp tác xã là một tổ chức kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa. Nhưng cũng còn một số nhược điểm cần phải khắc phục như: trong phân phối ở một

số hợp tác xã kém vẫn mất dân chủ, nên xã viên thiếu tin tưởng vào cán bộ, thiếu nhiệt tình lao động. Trong sản xuất có thông qua phương hướng, kế hoạch, nội quy nhưng bàn lướt, xã viên ít được đóng góp ý kiến, kế hoạch không được đảm bảo, nội quy không được chấp hành nghiêm chỉnh. Trong bầu cử còn gò ép, có hợp tác xã không đảm bảo nguyên tắc nên chất lượng cán bộ không cao.

Vụ mùa năm 1972, mặc dù trong điều kiện chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ rất ác liệt, xã viên các hợp tác xã vẫn yên tâm khắc phục khó khăn, đưa các khâu kỹ thuật làm đất, giống, phân bón vào sản xuất đảm bảo diện tích 17.500 mẫu, năng suất 2.008kg/ha, mức ăn bình quân đầu người đạt 17-18kg. Năm 1972 nông nghiệp của huyện phát triển tương đối toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi, tổng sản lượng đạt khá, đã đảm bảo huy động đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước nhanh và nhiều. Tính đến ngày 26-7, toàn huyện đã nhập kho được 4.100 tấn thóc đạt 107,9% kế hoạch, trong đó thu nợ 363 tấn đạt 72,6%, bán giá cao 500 tấn vượt kế hoạch 28%. Có 18/54 hợp tác xã vượt kế hoạch tiêu biểu như: Mạc Liên Hà (Trác Văn) đạt 130%, Lão Trúc (Tiên Tân) đạt 126%, Quan Xuyên (Tiên Thắng) đạt 133%, Câu Thọ (Châu Sơn) đạt 113%...

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương tuy gặp khó khăn về nguyên, vật liệu, sản xuất trong điều kiện phòng không sơ tán, phân tán người và máy móc nhưng các cơ sở sản xuất đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, quyết tâm phấn đấu giành năng suất cao. Nhiều hợp tác xã thủ công nghiệp vượt kế hoạch như dệt lụa Nha Xá đạt 101,6%; Mỹ Tiến đạt 111,2%.



Đảng bộ đã thực hiện tốt việc đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước không những về lương thực, thực phẩm mà cả về quân số bổ sung cho quân đội. Công tác tuyên truyền vận động Thanh niên lên đường đánh Mỹ được chú trọng ở những nơi khó khăn, nơi có đồng bào công giáo toàn tòng như Đông Nội (Trác Bút), Du Long (Chuyên Nội), Thượng (Tiên Ngoại). Năm 1972, giao quân đợt 1 vượt 12,5%, chất lượng đảm bảo với 92,5% là đoàn viên thanh niên; đợt 2 giao đạt 95% kế hoạch, tính chung cả đợt vượt kế hoạch 5%. Chỉ tiêu khám, tuyển giao nữ bộ đội đạt 100%. Có nhiều xã vượt chỉ tiêu như: Trác Bút đạt 113,8%; Tiên Yên, Mộc Nam đạt 107,5%; Tiên Tân, Lam Hạ đạt 105%; Chuyên Ngoại đạt 106,6%; Nhiệm vụ phát triển y tế, giáo dục đã được Huyện uỷ chỉ đạo chuyển hướng phù hợp với tình hình thời chiến. Ngay từ đầu 1972 một số trường ở gần các trục đường giao thông quan trọng đã có kế hoạch sơ tán các lớp học về nông thôn xa các trọng điểm, chuẩn bị tu sửa hầm hố, lớp học được đào sâu, đất đắp xung quanh thành tường cao để phòng tránh bom đạn của giặc Mỹ. Học sinh đi học đều có mũ rơm, bông băng, túi thuốc cá nhân khi cần thiết được sơ cứu kịp thời. Đội ngũ thầy, cô giáo được bồi dưỡng vững vàng về chính trị, tư tưởng, trình độ chuyên môn, đầy mạnh và làm theo 3 điển hình tiên tiến ở cả 3 ngành học, chất lượng học tập, tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp được nâng cao. Kết thúc năm học 1972, cấp I thi tốt nghiệp đỗ 93%, so với 1971 tăng 13%, tỷ lệ lên lớp đạt 85%. Cấp II tốt nghiệp 77,6%, lên lớp 80% so với năm 1971 tăng 4%. Bổ túc văn hoá cấp I tốt nghiệp 67%, so với chỉ tiêu tăng 7%, cấp II tốt nghiệp 68,3% lên lớp 71%. Mẫu giáo lên lớp 85%, so với năm 1971 tăng 5%.

Ngành y tế đẩy mạnh phòng, chữa bệnh, phát triển đông tây y kết hợp, củng cố các trạm y tế xã, chuẩn bị cơ sở thuốc và các phương tiện phục vụ sản xuất, chiến đấu, phấn đấu giảm tỷ lệ tử vong từ 2% xuống còn 0,45%.

Các tổ chức quần chúng được giáo dục lập trường tư tưởng, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu. Đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh đã vận động thanh niên đẩy mạnh phong trào 3 sẵn sàng, cổ vũ thanh niên hăng hái lên đường đánh Mỹ và xây dựng dân quân du kích tích cực sản xuất, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương. Hầu hết các xã, hợp tác xã đều có phong trào tình nguyện tòng quân. Đợt 1 năm 1972, nhiều cơ sở đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ như: Tiên Yên, Trác Văn, Đới Sơn, Mộc Nam, Trường máy kéo Nam Hà, Hợp tác xã Chuôn Chìa - (Chuyên Nội), Ninh Lão (Duy Minh), Đông Ngoại (Trác Bút), Đan Đại (Tiên Tân)...

Trong sản xuất phong trào làm tăng giờ, làm thuỷ lợi, bèo dậu, giống mới, bồi dưỡng kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho thanh niên. Năm 1972, toàn huyện đã làm được 12.448 mẫu bèo dậu, làm tăng 61.500 giờ, đào đắp được 48.120m<sup>3</sup> thuỷ lợi.

Công tác kiện toàn tổ chức đoàn theo 3 cấp: huyện đoàn, xã đoàn, chi đoàn đạt kết quả tốt, 6 tháng đầu năm 1972, đã kiện toàn 19/22 xã đoàn; 68/75 chi đoàn, kết nạp được 931/1500 thanh niên cử đi học, đạt 62%.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã tổ chức cho hội viên học tập gương Lê Thị Hồng Gấm và gương những người phụ nữ mới. Hội đã động viên làm tốt công tác vận động chồng, con, anh, em tòng quân đi chiến đấu. Hội đã làm tốt công tác cá

biệt, vận được được 81 trường hợp khó khăn lên đường nhập ngũ. Trong sản xuất, hội đã huấn luyện cho 15.250 người biết cấy lối mới. Các hội viên đã tích cực thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo, toàn huyện đã củng cố được 108 nhà trẻ gồm 3.364 cháu.

Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị gắn liền với thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, năm 1972 có nhiều chuyển biến và giành được nhiều thắng lợi trong sản xuất, chiến đấu và tổ chức đời sống của quần chúng nhất là chi viện người, của cho tiền tuyến, vai trò của Đảng bộ, chi bộ được phát huy, ở hợp tác xã, đội sản xuất nào có chi bộ mạnh thì ở đó có phong trào mạnh.

Các Đảng bộ, Chi bộ mạnh đã xây dựng được đội ngũ cốt cán vững vàng có đủ trình độ, năng lực và tinh thần tiến công cách mạng, thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo, nêu cao tính tiên phong gương mẫu, luôn luôn suy nghĩ, tạo mọi điều kiện đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng đảo lực lượng đảng viên được giác ngộ, tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoàn thành nhiệm vụ, có tác dụng vận động quần chúng, lãnh đạo quần chúng đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng, thực hiện được 3 mục tiêu trong nông nghiệp, củng cố quan hệ sản xuất ngày càng vững mạnh.

Đa số các Đảng bộ, Chi bộ trong huyện phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, nhưng cũng còn một số Đảng bộ, Chi bộ không hoàn thành nhiệm vụ do tổ chức cơ sở Đảng yếu không đủ sức lãnh đạo phong trào, đảng viên thiếu gương mẫu, tinh thần đấu tranh phê bình, tự phê bình yếu, vi phạm chính sách như: lãng phí, lợi dụng chức vụ tham ô, hống hách với quần chúng, lấn chiếm ruộng đất, nội bộ Đảng

thiếu đoàn kết nhất trí, lập trường, quan điểm, trình độ, năng lực của đảng viên còn yếu.

Năm 1972, tổng số đảng viên trong toàn huyện có 2.558 đồng chí. Qua phân loại, chất lượng đảng viên loại A chiếm 1.001 bằng 41%; loại B có 1.129 bằng 43%; đảng viên loại C có 134 bằng 1,6%.

Qua phân loại chất lượng, nhìn chung các tổ chức Đảng, vẫn được tăng cường cả về số lượng và chất lượng chi bộ, tổ đảng và đảng viên, so với năm 1971, loại tốt tăng lên, loại yếu kém giảm dần, nhưng so với yêu cầu của cuộc vận động thì chuyển biến quá chậm, sự khác biệt giữa chi bộ khá và chi bộ kém thể hiện rất rõ như ở Trác Bút và Lam Sơn (Đội Sơn).

Trác Bút có đội ngũ cán bộ vững vàng từ trong Đảng đến ban quản trị hợp tác xã, đội sản xuất và cán bộ quần chúng. Vững vàng cả về tinh thần trách nhiệm và ý thức Đảng, về trình độ, năng lực của cán bộ, gương mẫu đi đầu, vận động lôi kéo quần chúng cùng làm; chi bộ Lam Sơn là chi bộ yếu kém. So sánh số lượng đảng viên và tỷ lệ đảng viên còn cao hơn Trác Bút. Ở Lam Sơn bình quân đảng viên cho hộ là 12,6%, bình quân đảng viên cho lao động là 10,6%, bình quân đảng viên cho khẩu là 1,9%. Trong khi đó ở Trác Bút bình quân đảng viên cho hộ là 12%, bình quân cho lao động chỉ có 5,6%, bình quân cho khẩu là 3%. Như vậy, tỷ lệ đảng viên của Lam Sơn nếu tính theo số lượng thì nhiều hơn của Trác Bút nhưng phong trào lại kém vì đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng không vững vàng, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt năng lực quản lý kinh tế yếu. Trác Bút có 52% số cán bộ thành thạo về

3 khoán nhưng ở Lam Sơn chỉ có 31%. Loại đảng viên tích cực của Trác Bút có 53,8%, Lam Sơn chỉ có 6,8%.

Trong công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số hạn chế. Chưa gắn chặt nội dung nâng cao chất lượng đảng viên với nhiệm vụ chính trị và phong trào của quần chúng. Sự lãnh đạo của Đảng bộ, Chi bộ chưa thật gắn chặt với hợp tác xã, tổ Đảng với đội sản xuất. Công tác phát triển Đảng, kiểm tra, xử lý đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng làm chưa thật tốt. Đợt kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh đến năm 1972 được 46 đồng chí, trong đó có 3 đồng chí không được công nhận đảng viên chính thức.

Thắng lợi vang dội của quân và dân hai miền Nam - Bắc đã đẩy đế quốc Mỹ càng lún sâu vào thất bại, buộc chúng phải ký hiệp định Pa-ri (1-1973), rút quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam, cam kết tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng chúng vẫn ngoan cố dùng chính sách “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam, tăng cường nguy quân, nguy quyền để thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài nước ta.

Sau Hiệp định, Đảng bộ đã kịp thời chỉ đạo chuyển hướng mọi mặt hoạt động từ chiến tranh sang hoà bình. Chỉ trong một thời gian ngắn, các ngành sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải sớm được ổn định, sinh hoạt trở lại bình thường nhất là ở các xã bị chiến tranh tàn phá và lũ lụt như Lam Hạ, Tiên Tân, Hoàng Đông, Duy Hải. Do ảnh hưởng của thời tiết, đầu năm rét đậm kéo dài, cuối năm mưa to gây úng lụt, năng suất cây trồng cả hai vụ chiêm, mùa giảm sút nghiêm trọng, nhưng nhiều ngành kinh tế khác vẫn được khôi phục và từng bước phát triển.

Năm 1974, năm đầu trong kế hoạch 2 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III, đối với phát triển kinh tế 2 năm 1974-1975, Hội nghị đã chỉ rõ nhiệm vụ của miền Bắc là “nhanh chóng hoàn thiện việc hàn gắn vết thương chiến tranh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng, ra sức chi viện cho cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng vùng giải phóng của đồng bào miền Nam”. Cũng là năm thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về “chặn đứng tệ ăn cắp tài sản, tệ làm ăn phi pháp, bảo vệ cho được tài sản xã hội chủ nghĩa, đảm bảo cho được trật tự trị an”.

Từ những khó khăn do chiến tranh và thiên tai để lại, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đã phân công nhiệm vụ mỗi đồng chí Thường vụ phụ trách một miền, mỗi đồng chí cấp uỷ phụ trách một xã, cán bộ các ngành thường xuyên xuống xã, nắm cụ thể đời sống của nhân dân. Đảng bộ nếu xã nào, hợp tác nào, Đảng bộ nào để một người dân bị đói thì cấp uỷ ở đó phải chịu trách nhiệm trước Đảng. Do có những chỉ đạo kiến quyết như vậy mà đời sống của nhân dân được ổn định. Các ngành: kinh tế, tài chính, thương nghiệp giúp đỡ lẫn nhau cùng thúc đẩy sản xuất phát triển.

Đối với trồng trọt đã từng bước phát triển đi lên nhất là thâm canh tăng năng suất cấy lúa có tiến bộ rõ. Do được đầu tư công sức, tiền vốn, các hợp tác xã mạnh dạn đưa các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất. Thuỷ lợi vẫn được xác định là biện pháp hàng đầu, năm 1974 tuy có khó khăn về thời tiết và đời sống

của nhân dân nhưng vẫn được đẩy mạnh hơn các năm trước. Khối lượng đào đắp đạt  $499.877\text{m}^3$  đất bằng 104,4% kế hoạch, vốn đầu tư thực hiện 932.228 đồng bằng 77,7%. Riêng 9 công trình xây đúc đạt trên 60% kế hoạch. Năm 1975 cũng gặp nhiều khó khăn về thời tiết, 6 tháng đầu năm Đảng bộ đã quyết tâm củng cố các đội thủy lợi chuyên 202 ở 100% số xã, đảm bảo hoạt động thường xuyên. Mặc dù, đầu năm mưa nhiều, đất khó làm nhưng khối lượng đào đắp đạt 87,4% kế hoạch, vốn sử dụng hết 492.175 đồng bằng 73% kế hoạch. Huyện Duy Tiên hoàn thành kế hoạch đắp đê sông Đáy ở cả 2 đoạn Phủ Lý và Thanh Liêm đúng thời hạn.

Công tác thủy nông rút kinh nghiệm của vụ lụt năm 1973, huyện đã chỉ đạo khoanh vùng: vùng dâm, vùng ải, vùng mạ để phục vụ cho tưới tiêu thuận lợi. Năm 1974, đào đắp được  $103.547\text{m}^3$  đất, nạo vét 11 công trình mương, máng được  $55.298\text{m}^3$  bằng 125,6%; xây đúc 7 công trình khối lượng đạt  $300\text{m}^3$ . Kiến thiết đồng ruộng đắp bờ vùng, bờ thửa kế hoạch  $429.000\text{m}^3$  đã thực hiện được  $242.42\text{m}^3$  bằng 56%. Nhìn chung công tác nạo vét, xây đúc các công trình thủy nông đạt kế hoạch, song kiến thiết đồng ruộng so với kế hoạch và các năm trước thì không đạt. Năm 1975, với quyết tâm của các cấp ủy đảng, với tinh thần hưởng ứng tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, chỉ trong 10 ngày đầu của chiến dịch “hoàn chỉnh thủy nông”, đã đào đắp được  $70.000\text{m}^3$  đất với 60.000 ngày công, bằng khối lượng đào đắp 6 tháng đầu năm 1974.

Về phân bón cải tạo đất mỗi năm một tăng, năm 1974 tăng hơn năm 1973 cả về phân hữu cơ và vô cơ. Phân lân 517

tấn. Phân chuồng bình quân 7 tấn/ha, với tổng số 48.000 tấn, nhiều hơn năm 1973 là 5000 tấn; vôi bột 1.310 tấn; bèo dâu 3.600 ha bằng 200% năm 1973, cây ải cải tạo đất 2.707 ha bằng 207% năm 1972. Diện tích đất cây máy có tăng nhưng một số xã cây, muện đất không ải, lại chăm bón kém nên đã ảnh hưởng đến năng suất.

Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đã quyết tâm chỉ đạo đưa mạnh giống mới vào đồng ruộng. Quyết tâm cao được thể hiện trong suốt quá trình gieo cấy, kiên quyết thực hiện bằng được kế hoạch cấy giống mới. Vì thế tỷ lệ giống mới tăng nhanh: từ 72% vụ chiêm xuân năm 1974 tăng lên 81% vụ chiêm xuân năm 1975; vụ mùa từ 20% năm 1974 tăng lên 46% năm 1975. Chủ yếu là cấy các giống mới có năng suất cao như: M28, MS25 đạt 25,6 tạ/ha; Trân Trâu lùn 23,8 tạ/ha; 661 đạt 24 tạ/ha; VN10 đạt 26,6 tạ/ha. Riêng giống 314 cấy nhiều vụ đã thoái hoá năng suất thấp 15,6 tạ/ha chỉ được cấy hạn chế và bỏ dần. Do có sự chuyển biến mạnh về áp dụng các biện pháp kỹ thuật mà những chỉ tiêu kế hoạch quan trọng trong nông nghiệp của huyện đã thực hiện được thắng lợi toàn diện.

Năm 1974, diện tích gieo trồng là 15.866 ha bằng 98,2% kế hoạch tỉnh giao, trong đó cây lương thực có 14.072 ha đạt 102%. Lúa cả năm là 12.930ha đạt 101,6%, trong đó lúa Đông Xuân 6.350 ha đạt 100,7% lúa mùa 6.580 ha đạt 102,8%. Mầu 1.142 ha đạt 87%. Cây thực phẩm 1.220ha đạt 106%. Cây công nghiệp 574 ha đạt 89,6%. Năng suất vụ chiêm đạt 33,2 tạ/ha vượt kế hoạch 47%, lúa mùa đạt 23 tạ/ha, vượt kế hoạch 15%, (sau trận bão và mưa thu năng suất có giảm nhưng vẫn đạt kế hoạch). Toàn huyện có 4 hợp tác xã đạt 5 tấn trở lên



như: Trác Bút, Vũ Lương (Tiên Yên), Yên Duy (Mộc Bắc), Thượng Lĩnh (Đội Sơn); 5 hợp tác xã đạt dưới 2 tấn/ha là Ngọc Động, Hoàng Lý, Bạch Xá (Hoàng Đông), trong đó có 2 hợp tác xã đạt quá thấp là Ninh Lão (Duy Minh), Văn Thần (Bạch Thượng) chỉ đạt có 1,6 đến 1,7 tấn/ha.

Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 39.315 tấn vượt kế hoạch 31,2%, riêng lúa đạt 36.195 tấn vượt kế hoạch 34%, nghĩa vụ lương thực đóng góp với Nhà nước đạt 6.000 tấn vượt kế hoạch 9%, mức ăn bình quân đầu người là 19,3 kg/tháng. Một số cây công nghiệp cũng có sản lượng bằng và vượt kế hoạch như: mía 20.000 tấn, đay 120 tấn, dâu tằm 30 tấn.

Trong lúc nhân dân Duy Tiên đang giành được kết quả lớn trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, tiền tuyến đang trên đà thắng lợi. Tháng 4-1975 Đảng bộ tiến hành Đại hội lần thứ XII. Đại hội khẳng định năm 1974 là năm phong trào mọi mặt chuyển biến đáng phấn khởi, với khí thế cách mạng tiến công quyết tâm vươn lên giành thắng lợi to lớn hơn, hoàn thành mục tiêu khôi phục kinh tế năm 1974-1975 chi viện cho cách mạng Miền Nam. Đại hội đề ra những nhiệm vụ chủ yếu năm 1975 là:

Đẩy mạnh thâm canh trên toàn bộ diện tích cây trồng, đặc biệt là cây lúa, tất cả các hợp tác xã đều phấn đấu đạt từ 5 tấn/ha trở lên, để toàn huyện có 58 tạ/ha cả năm, sản lượng đạt 37.410 tấn thóc. Về chăn nuôi tổng đàn lợn là 35.000 con trọng lượng xuất chuồng bình quân 45kg/con. Tăng nhanh đàn gia cầm Gà, Vịt, Ngan, Ngỗng và nuôi thả cá để năm 1975 có tổng sản lượng đạt 2.830 tấn. Nâng cao đời sống nhân dân, tăng tích lũy của hợp tác xã.

Bố trí phân công lao động xã hội, phân đầu tổ chức đưa 3000 dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, ra sức chi viện cho vùng mới giải phóng.

Tăng cường công tác quản lý kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, từng bước kiện toàn cấp huyện về quản lý nông nghiệp gắn liền với việc thực hiện Nghị quyết 228.

Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục văn hoá, y tế, chăm lo mọi mặt đời sống, phòng và chữa bệnh cho nhân dân.

Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với các nhiệm vụ chính trị, gắn chặt với việc nâng cao sức chiến đấu của Đảng theo tinh thần Nghị quyết 23 của Trung ương.

Đại hội đã bầu 23 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Chính Thiện được bầu làm Bí thư Huyện uỷ. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Huyện uỷ đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất trong các tầng lớp nhân dân. Năm 1975, thời tiết không thuận, đầu năm rét, hạn kéo dài, không đủ ánh sáng, ảnh hưởng đến sinh trưởng của lúa xuân. Vụ mùa, tháng 8 và 9 lượng mưa quá nhiều gần 700mm, đã ảnh hưởng đến diện tích năng suất và sản lượng cây trồng.

Vụ Đông Xuân tổng diện tích cây lương thực trồng được 7.358 ha bằng 98,4%, trong đó lúa chiêm xuân là 6.494 ha vượt kế hoạch 3%, năng suất đạt 23,29 tạ/ha bằng 86,2%, sản lượng đạt 15.125 tấn bằng 89,4%. Ngô trồng 208 ha bằng 83,2%, năng suất 15 tạ/ha bằng 80%, sản lượng được 312 tấn bằng 65,6%. Khoai lang 556 ha bằng 70% kế hoạch, trong đó khoai lang chiếm 420ha bằng 70%, năng suất 50,6 tạ/ha bằng 52,6%, sản lượng 2125 tấn bằng 38,6%; khoai lang mùa 146 ha bằng

73,6% năng suất 58,3 tạ/ha vượt kế hoạch 2,2%, sản lượng 851 tấn bằng 74,6%. Hoa màu các loại 482 ha bằng 74,1%. Đậu các loại 292 ha vượt kế hoạch 16%, năng suất 3,2 tạ/ha bằng 80%, sản lượng 93 tấn bằng 93%. Đay 116 ha bằng 44%, năng suất 3,5 tạ/ha bằng 77,5%. Mía 354 ha bằng 93,1%. Dâu tằm 74 ha vượt 5,7%. Cây thuốc nam 9 ha bằng 9%.

Diện tích, năng suất, sản lượng năm 1975 không đạt kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do thời tiết bước vào vụ trồng cây thì mưa liên tiếp, đất ướt, rau màu không trồng được, nhiều xã chuyển sang cấy lúa xuân hoặc thay cây khác nhưng lại muộn thời vụ. Toàn huyện bỏ diện tích vụ chiêm là 384 mẫu, không chỉ ở nơi vùng chiêm và cả nơi đồng màu như: Du Long (Chuyên Nội) bỏ 48 mẫu không trồng được khoai. Sâu bệnh làm mất trên 400 mẫu lúa không được thu hoạch. Như vậy, tính cả diện tích bỏ không trồng cây và cả trồng cây mà không thu hoạch lên tới trên 800 mẫu.

Trong 3 năm 1973-1975 trồng trọt tuy phát triển mạnh, năng suất cây trồng cao nhưng do ảnh hưởng lớn của thiên tai đã tác động đến diện tích, năng suất và sản lượng, chỉ có năm 1974 vượt chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh, còn năm 1973 cả hai vụ chiêm, mùa do mưa bão, lũ lụt làm thất thu nghiêm trọng, riêng vụ chiêm tổng sản lượng năm 1974 vượt 73% so với năm 1973. Năm 1975 cũng bị ảnh hưởng của thời tiết nên không hoàn thành kế hoạch. Nguyên nhân quan trọng là các cấp uỷ đảng, chính quyền chưa chủ động, chưa có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với đồng đất và thời vụ.

Về chăn nuôi, đã có nhiều cố gắng đi vào phát triển toàn diện, nhất là đàn lợn ở cả gia đình và trại chăn nuôi tập thể.

Năm 1973, đàn lợn vẫn được giữ vững và phát triển, tổng đàn so với năm 1972 vượt 12,6%, đàn lợn nái vượt 20,58%, năm 1975 tăng lên 30.525 con trong đó có 4.518 con nái; 25.932 con thịt. Đàn tập thể có 6.549 con, trong đó có 6.110 con lợn thịt. Trong chăn nuôi xuất hiện nhiều điển hình chăn nuôi giỏi như: hợp tác xã Trác Bút, Vũ Lương, Mộc Nam...nuôi từ 500 đến 800 con, bước đầu đã nâng giá trị ngày công chăn nuôi cao. Nhiều gia đình chăn nuôi giỏi ở: Tiên Hải, Trác Bút, Yên Duy (Mộc Bắc) có từ 2-3 con lợn, có một số hộ nuôi từ 5-10 con. Tuy nhiên, vẫn còn một số hợp tác xã không nuôi lợn tập thể như: Hoàng Lý, Ngọc Động (Hoàng Đông), Chuông Trịnh, Ninh Lão (Duy Minh). Các hợp tác xã chưa chủ động trong phòng dịch, nên có lúc dịch bệnh xảy ra không ngăn chặn được kịp thời, làm giảm số đầu lợn. 6 tháng đầu năm 1975, toàn huyện chết 300 con lợn, giá lợn con ở thị trường tự do lên quá cao (từ 6-7 đồng một kg), nhiều hộ phải để trống chuồng.

Chăn nuôi gia cầm được khuyến khích, hợp tác xã Tiên Nội, Tiên Ngoại, Phú Ngòi...nuôi từ 2.000 đến 3.000 con vịt thịt. Mỗi con nái được Nhà nước bán, hỗ trợ từ 3 đến 5 kg thóc, khi mất mùa để duy trì đàn vịt, ngỗng. Đối với đàn tập thể có hợp đồng bán trứng.

Chăn nuôi cá được mở rộng, đến năm 1975 toàn huyện có 43 hợp tác xã có tổ nuôi cá với diện tích 2.191 mẫu, có 31 hợp tác xã nuôi được cá giống được 83 mẫu, tổ chức bến, bãi vớt cá giống được 11 triệu con cá mè, trôi, và 1,27 triệu con cá trắm, chép, thu hoạch được 150 tấn cá thịt. Hợp tác xã Mộc Nam, Duy Hải hàng năm thu từ 30 đến 40 tấn cá thịt. Nhìn

chung diện tích nuôi cá còn ít, một số xã có điều kiện chăn nuôi, nhưng chưa được chú ý như: Tiên Tân, Tiên Hiệp, Tiên Ngoại, Hoàng Đông.

Đàn trâu, bò cày kéo, sinh sản được các hợp tác xã chăm sóc tốt, hạn chế chết bệnh và chết rét. Các hợp tác xã tập trung giải quyết khó khăn về thức ăn rơm, cỏ, ngọn mía của vùng màu được hỗ trợ cho vùng chiêm trũng. Tính đến 1-7-1974, tổng đàn có 3.094 con, tăng 19 con so với cùng kỳ. Năm 1975, đàn trâu có 3.356 con trong đó có 2.953 con trâu cày, kéo. Đàn bò có 917 con, trong đó bò cày kéo có 641 con. Trâu, bò sinh sản 6 tháng đầu năm được 69 con bê, nghé bổ sung cho súc cày, kéo ở địa phương.

Ngành thủ công nghiệp huyện Duy Tiên không lớn, giá trị sản lượng chỉ bằng 10% giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp, song nó đóng góp phần khá quan trọng vào phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng cơ bản, phục vụ đời sống và góp phần vào xuất khẩu. Nhiều hợp tác xã đã nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, tận dụng nguyên liệu địa phương, kết hợp với sự giúp đỡ của Nhà nước, các cơ sở đã đi vào sản xuất vật liệu xây dựng, những mặt hàng thiết thực phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân. Giá trị tổng sản lượng toàn ngành năm 1973 so với năm 1972 vượt 12%, 6 tháng đầu năm 1974 đã có 57 lò gạch, 2 lò ngói, 4 lò vôi sản xuất đạt sản lượng 4 triệu viên gạch, ngói bằng 40% kế hoạch năm. Sản lượng thấp là do các lò gạch, ngói, vôi gặp khó khăn về chất đốt, chỉ có 25 hợp tác xã hợp đồng gia công cho Nhà nước được cung cấp đủ, còn lại là mua nguyên liệu ngoài thị trường nên sản xuất rất bị động.

Ngành cơ khí được củng cố, bắt đầu sản xuất phục vụ nông nghiệp, đã lắp được 235 chiếc cày, 85 chiếc bừa, sửa chữa được 319 vành xe các loại, lắp mới được 49 xe cải tiến. Kịp thời sửa chữa những máy bơm dầu để phục vụ cho xay, xát gạo, chống úng, chống hạn, số máy bị hỏng hóc ít hơn; tích cực sửa chữa những công cụ thô sơ để các hợp tác xã nông nghiệp sản xuất kịp thời vụ. Trong 6 tháng đầu năm 1975, hợp tác xã cơ khí đã sản xuất đạt 131,1% kế hoạch, vượt 52% so với cùng kỳ năm 1974.

Các ngành sản xuất song mây, dệt lụa, vải thô cũng đã có cố gắng đẩy mạnh sản xuất, giá trị tổng sản lượng đạt 95% kế hoạch.

Nghề thủ ren, thảm ngô, màn trúc xuất khẩu phát triển khá nhanh, các hợp tác xã nông nghiệp có tới 690 lao động, trong đó có 460 người đã thành thạo nghề. Hợp tác xã nhựa Phương Đông, thuỷ tinh, tuy nguyên liệu không đủ, đã tự đi mua phế liệu, phế phẩm về sản xuất, nhưng cũng đảm bảo kế hoạch tương đối cao, Phương Đông đạt 81% kế hoạch, vượt 57% so với cùng kỳ năm 1974. Nguồn thu lớn nhất là tiền bán các loại hàng hoá phổ thông, các hàng hoá hợp thị hiếu rất ít.

Nguyên nhân chủ yếu của ngành công nghiệp, thủ công nghiệp không đạt kế hoạch là do nguyên vật liệu không đủ cung cấp: ngành dệt thì thiếu sợi, gạch, ngói thì thiếu than, cơ khí sửa chữa nông cụ thì thiếu sắt, thép, gỗ, tre, nứa... Cửa hàng vật liệu kiến thiết thu mua các mặt hàng của địa phương lại chưa tích cực. Đối với các lò gạch, ngói, vôi, được phân phối than nhưng quản lý không chặt chẽ, đã để cho các hợp

tác xã bán sản phẩm tự do theo giá cao, kinh doanh chạy theo lợi nhuận, chưa chú ý đến phục vụ, vì thế có xã, hợp tác xã xây dựng trường học, nhà mẫu giáo, trạm xá không có gạch, ngói, vôi, phải đi mua giá cao. Mặt khác, từ khi thực hiện Nghị quyết 228, hiện tượng mua, bán hàng hoá tự do trái phép đã được hạn chế trong khi đó Nhà nước chưa đủ khả năng cung cấp, cùng ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch.

Đối với xây dựng cơ bản, mặc dù mưa nhiều, nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển thiếu, thi công rất bị động, nhưng cũng đã cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn chỉnh các công trình đang thi công dở, nhanh chóng đưa vào sử dụng như: hoàn thành 3 lò gạch, 1 lò ngói của xí nghiệp gạch ngói huyện, 6 dãy Huyện uỷ, thực phẩm, trạm máy kéo và trại thương binh Nam Hà với tổng số vốn là 227.930 đồng bằng 78% kế hoạch.

Quan hệ sản xuất từng bước được củng cố, ổn định. Năm 1972-1973 chất lượng hợp tác xã chưa cao, toàn huyện có 55 hợp tác xã nông nghiệp trong đó loại tiên tiến chỉ có 4 đạt 7%; loại trung bình có 37 chiếm 67%; loại kém còn 14 bằng 26%.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật yếu, phân tán, chắp vá, chưa đồng bộ, nên phát huy tác dụng hạn chế như: thuỷ lợi, khối lượng đào đắp, xây đúc khá lớn nhưng còn phân tán, chưa tập trung dứt điểm, quản lý khai thác chưa tốt nên vẫn để hạn úng xảy ra. Cơ sở giống, phân bón, sân phơi, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi, phúc lợi tập thể chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất.

Công tác quản lý bị buông lỏng, tùy tiện, còn nhiều sơ hở. Phương hướng sản xuất, xây dựng kế hoạch chưa toàn diện, chưa cân đối, chưa sát với thực tế. Về ruộng đất, hầu hết các hợp tác xã quản lý không chặt chẽ, tẻ lấn chiếm ruộng đất, đào ao, vượt thổ, bỏ hoang hoá dưới nhiều hình thức như: cho xã viên mượn trồng rau; cho đoàn thể, cơ quan mượn sản xuất để gây quỹ.

Sử dụng vốn của hợp tác xã chưa tốt, chưa thực sự đầu tư trực tiếp cho sản xuất, nhất là cơ sở chăn nuôi, giống còn quá yếu chỉ chiếm có 14%, ngành nghề 7%. Tình trạng cán bộ, xã viên nợ tập thể, nợ Nhà nước ngày một tăng. Trong 55 hợp tác xã, số nợ phải thu là 20.490.490 đồng, trong đó cơ quan Nhà nước nợ hợp tác xã 311.660 đồng, tình trạng mua bán trái phép, móc ngoặc, dút lót, có đi, có lại còn khá phổ biến. Quản lý lao động, kỷ luật lao động còn lỏng lẻo, định mức lao động, định tiêu chuẩn chăm công chưa hợp lý dẫn đến tẻ dơng công phóng điểm phát triển. Trong nhiều hợp tác xã mới sử dụng từ 150-180 ngày công một lao động trong năm. Giá trị ngày công thường đạt từ 4-5 hào, có một số hợp tác xã chỉ đạt 2-3 hào.

Đầu năm 1975, nhiều hợp tác xã đã kiểm tra, thu hồi ruộng đất bị lấn chiếm và sử dụng sai chính sách. Có những hợp tác xã đã vận động, tạo điều kiện cho những hộ ở lẻ, rải rác quy gọn thành khu dân cư, để chia lại ruộng cho đội sản xuất tiện canh tác. Đồng thời kết hợp thực hiện điều lệ hợp tác xã với Nghị quyết 228 đã thu hồi được một phần lớn công nợ. Sản xuất được tổ chức lại, cải tiến một bước công tác quản lý theo Chỉ thị 208. Năm 1974, còn 53 hợp tác xã, đến cuối năm



1975 hợp nhất lại thành 33, trong đó có 16 hợp tác xã quy mô toàn xã chiếm 73%. Các xã, hợp tác xã đã tích cực vận động xã viên và nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, trong 3 đợt toàn huyện đã đưa 302 hộ gồm 1.588 khẩu với 649 lao động.

Các ngành kinh tế khác cũng được củng cố, tổ chức lại sản xuất, hoạt động có nhiều tiến bộ như: giao thông vận tải, năm 1974 đã sửa đường Hoà Mạc, Trác Văn dài 2Km, rải đá 1.100m<sup>3</sup>. Kết hợp làm thuỷ lợi, sửa 12Km đường I 4-8, hoàn thành cầu bê tông Tiên Thắng và các đường giao thông do lũ lụt làm hỏng; rải đường vào xí nghiệp gạch dài 1Km, rộng 3m.

Công tác vận tải khó khăn về nhiên liệu và chân hàng nên không đạt kế hoạch. Hợp tác xã Hồng Hà kế hoạch giao vận chuyển 121.000 tấn/Km nhưng chỉ thực hiện được 18.900 tấn bằng 16%. Hợp tác xã thuyền buồm kế hoạch giao 609.500 tấn/Km, thực hiện được 157.000 tấn bằng 27,5%.

Vật liệu xây dựng, 6 tháng đầu năm 1975 đã sản xuất được 3.000m<sup>3</sup> đá Điệp Sơn, Đọi Sơn, cung cấp cho một số xã, sửa chữa và rải được 19Km đường đá liên xã, liên thôn ở Tiên Ngoại, Duy Minh, Duy Hải, Trác Bút, Đọi Sơn. Hợp tác xã vận tải đã có tiến bộ, thực hiện vượt chỉ tiêu, kế hoạch vận chuyển vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Giao thông vận tải hai năm 1974-1975 tuy đã có nhiều cố gắng nhưng cũng còn một số nhược điểm là những đoạn đường giao thông chính bị hư hỏng nặng chưa sửa chữa kịp thời. Nhu cầu về đá rất lớn nhưng sản xuất chậm, không đủ cung cấp cho các xã. Phương tiện vận chuyển bán chuyên còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của huyện.